

Bản án số: 17/2023/HNGĐ-ST

Ngày 03- 10 - 2023

“V/v Ly hôn, nuôi con”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Quang Trung

Các hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Thiên Việt và ông Nguyễn Đăng Hưng.

Thư ký phiên tòa: Ông Điều Smi là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 10 năm 2023 tại phòng xét xử, Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình thụ lý số: 54/2023/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2023, về việc: “Ly hôn, nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2023/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 9 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị Ph, sinh năm 1995; địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – có đơn xin xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Triệu Sinh Q, sinh năm 1994; địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – vắng mặt không có lý do.

Người có quyền lợi liên quan: Cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014; địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông.

Người đại diện theo pháp luật của cháu L, N:

- Chị Triệu Thị Ph; địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là mẹ đẻ của cháu L và cháu N – có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Anh Triệu Sinh Q; địa chỉ: Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông – là bố đẻ của cháu L và cháu N – vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Triệu Thị Ph trình bày: Ngày 16/3/2015, chị Ph và anh Triệu Sinh Q đăng ký kết hôn tại Ủy

ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông; hôn nhân tự nguyện, không bị ai ép buộc.

Quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích, cãi vã, chửi bới nhau; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng nhau và không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, vợ chồng đã sống ly thân từ đầu năm 2022, không còn chung sống với nhau; chị Ph không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Ph và anh Q có 02 con chung là cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014. Chị Ph và anh Q đã tự nguyện thỏa thuận: Hiện nay, cháu L và cháu N đang sống với anh Q; sau khi ly hôn, chị Ph sẽ đồng ý giao cháu L, N cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh Q không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, anh Q trình bày: Anh Q thừa nhận việc đăng ký kết hôn với chị Ph là đúng sự thật; hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm sống từ năm 2019 đến năm 2021, là thời điểm anh chuyển vợ con đến sống gần nhà bố mẹ vợ tại Bon Đ, xã Qu. Đến năm 2021 – 2022, anh chuyển các con về sinh sống tại thôn T, xã Đ, anh để vợ chăm 02 cháu và đi lái xe. Đến tháng 3/2022 thì nhận được tin vợ bỏ nhà đi, để lại 02 con, anh Q đã đi tìm và trình báo chính quyền địa phương và tiếp tục đi làm. Hiện nay, chị Ph yêu cầu ly hôn với anh thì anh không đồng ý.

Về con chung: Quá trình chung sống, chị Ph và anh Triệu Sinh Q có 02 con chung là cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014; anh Q không đồng ý giao 02 con cho chị Ph.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ chung: Quá trình chung sống 02 vợ chồng có vay mượn anh chị em và Ngân hàng chính sách, trước khi ly hôn, anh Q muốn phân chia các khoản nợ.

Đối với bị đơn anh Triệu Sinh Q: Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Q đến trụ sở Tòa án để giải quyết ly hôn, nuôi con, cấp dưỡng và nợ chung với chị Ph nhưng anh Q vắng mặt. Qua xác minh tại Công an xã Đ xác định: “Anh Triệu Sinh Q có đăng ký hộ khẩu tại Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông, chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt tại địa phương”. Anh Q vắng mặt tại địa phương nên Tòa án với chính quyền địa phương không thể tổng đạt được văn bản tố tụng cho anh Q được. Tòa án đã niêm yết Thông báo thụ lý, Giấy triệu tập, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho anh Q theo quy định. Tuy nhiên, anh Q không có ý kiến gì và cũng không đến Tòa án làm việc.

Kết quả xác minh tình trạng hôn nhân: Chị Ph, anh Q trong quá trình chung sống không có đơn yêu cầu giải quyết mâu thuẫn phát sinh từ đời sống vợ chồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức phát biểu ý kiến:

Toà án nhân dân huyện Tuy Đức thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 51 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về người tham gia tố tụng và thu thập chứng cứ: Tòa án xác định đúng người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho những người tham gia tố tụng đúng quy định, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức đảm bảo đúng theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ đảm bảo đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về nội dung: Sau khi phân tích, đánh giá chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ vụ án; căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Áp dụng khoản 1 Điều 51, Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Ph.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Triệu Thị Ph ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Đối với yêu cầu dưỡng: Do anh Q vắng mặt tại địa phương, đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu cấp dưỡng đối với 02 con chung tại vụ án dân sự khác.

Về nợ chung: Chị Ph không yêu cầu giải quyết, anh Q có ý kiến phân chia nợ chung, tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, anh Q có quyền khởi kiện phân chia nợ chung tại vụ án dân sự khác.

Về án phí: Chị Triệu Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002526 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Chị Triệu Thị Ph khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Triệu Sinh Q và giao con chung là cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; anh Q đăng ký thường trú tại Bon M, xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông đây là tranh chấp “*Ly hôn, nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết

của Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, qua xác minh tại chính quyền địa phương xác định: *“Anh Triệu Sinh Q chưa chuyển hộ khẩu đi đâu; thời điểm xác minh không có mặt tại địa phương”*. Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc; Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho anh Q theo thủ tục chung nhưng anh Q không hợp tác, không đến Tòa án làm việc mà không có lý do, không có ý kiến đối với toàn bộ nội dung vụ án, gây khó khăn cho việc giải quyết vụ án.

Tại phiên tòa ngày 05/9/2023 và phiên tòa hôm nay, anh Q đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do; nguyên đơn chị Ph có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu ly hôn của chị Ph với anh Triệu Sinh Q; Hội đồng xét xử nhận thấy: Ngày 16/3/2015, chị Triệu Thị Ph với anh Triệu Sinh Q đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện T, tỉnh Đắk Nông theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa chị Ph và anh Q là hợp pháp.

Xét tình trạng hôn nhân: Chị Ph cho rằng, quá trình chung sống, do bất đồng quan điểm nên vợ chồng thường xuyên xảy ra xích mích; mâu thuẫn ngày càng trầm trọng; vợ chồng không còn yêu thương, tôn trọng, không còn quan tâm nhau; vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2022 đến nay; chị Ph không còn tình cảm với anh Q nên đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Q. Đối với anh Q, khi chị Ph nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn, anh Q cũng không có ý kiến, động thái nào để hàn gắn tình cảm; quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ, anh Q vắng mặt tại phiên hòa giải và phiên tòa là thể hiện thái độ không còn mong muốn đoàn tụ. Với thực trạng hôn nhân nói trên cho thấy mâu thuẫn giữa chị Ph và anh Q đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Ph là có cơ sở, cần chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ pháp luật.

[4] Về con chung: Chị Ph cho rằng đã thỏa thuận với anh Q: Giao cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành; iện nay, cháu L và cháu N đang sống với anh Q. Tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: *“Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con;...”*. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho 02 cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu Linh, cháu Nghĩa cho anh Q được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Trường hợp, chị Ph có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng: Do anh Q vắng mặt tại địa phương, đã được triệu tập hợp lệ nhưng không đến Tòa án làm việc nên anh Q có quyền khởi kiện yêu cầu cấp

dưỡng đối với 02 con chung tại vụ án dân sự khác.

[5]. Về nợ chung: Chị Ph không yêu cầu giải quyết, anh Q có ý kiến phân chia nợ chung, tuy nhiên, Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng anh Q không đến Tòa án làm việc, anh Q có quyền khởi kiện phân chia nợ chung tại vụ án dân sự khác.

[6]. Về tài sản chung: Không có

[7] Về án phí: Chị Triệu Thị Ph phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị Ph đối với anh Triệu Sinh Q.

1. Về hôn nhân: Chị Triệu Thị Ph ly hôn với anh Triệu Sinh Q.

2. Về con chung: Giao cháu Triệu Thị Tâm L, sinh ngày 01/04/2013 và cháu Triệu Hiếu N, sinh ngày 06/08/2014 cho anh Triệu Sinh Q trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục đến khi các cháu đủ tuổi thành niên.

Chị Triệu Thị Ph có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp, chị Ph, anh Q có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét bằng một vụ án khác.

Chị Ph không trực tiếp nuôi con mà lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con là anh Q có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Ph.

3. Về cấp dưỡng nuôi con: Không xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Triệu Thị Ph phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm được trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0002526 ngày 22 tháng 02 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Đắk Nông.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện T;

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã Đ, huyện T,
tỉnh Đắk Nông;
- Các đương sự;
- Lưu .

Phan Quang Trung